TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỊNH QUÁN** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 5 - 2021.
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN, TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Văn Lợi**.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Sầm Dắt Phắn.**
2. Ông **Hoàng Văn Đông.**

Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thùy Trang** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán tham gia phiên tòa: Ông **Trần Văn Luân** – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 29/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2021 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 68/2021/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị S – sinh năm: 1981.
Địa chỉ: Khu phố HT2, thị trấn ĐQ, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Anh Áu A C – sinh năm: 1972.
Địa chỉ: Khu phố HT 2, thị trấn ĐQ, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.
(chị S có đơn xin xét xử vắng mặt, anh C vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Hoàng Thị S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Áu A C tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1999 và được Ủy ban nhân dân thị trấn ĐQ cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 03/11/1999. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh C thường xuyên ghen tuông vô cớ, không tin tưởng vợ. Ngoài ra, anh C hay nhậu nhẹt, không chăm lo cho vợ con. Do đó trong cuộc sống chung thường xảy ra cãi vã, căng thẳng nhau. Anh C hay đánh đập, chửi bới vợ, con. Đến đầu năm 2021, chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống và

vợ chồng ly thân nhau cho đến nay. Nay tình cảm không còn nên chị yêu cầu ly hôn với anh Áu A C.

Về con chung: Chị và anh C có 03 con chung là:

- Áu Thị Kim A – sinh ngày: 23/9/2000.
- Áu Thị Kim N – sinh ngày: 03/3/2002.
- Áu Văn Kh – sinh ngày: 01/6/2011.

Hiện tại, cháu A và cháu N đã thành niên và có khả năng lao động nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết vấn đề nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Từ khi chị và anh C ly thân nhau đến nay, cháu Kh sống cùng chị.

Khi ly hôn, chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Kh và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tại đơn khởi kiện, chị kê khai và anh C có tài sản chung là quyền sử dụng đất diện tích 249,2m^2 thuộc thửa 299B tờ bản đồ số 08 bản đồ địa chính thị trấn Định Quán, trên đất có căn nhà cấp 04. Tổng trị giá nhà và đất là 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng). Chị đồng ý giao toàn bộ tài sản trên cho anh C quản lý, sử dụng, sở hữu và yêu cầu anh C thanh toán cho chị ½ giá trị tài sản là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng).

Ngày 26/02/2021, chị S có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Đối với anh Áu A C: Mặc dù khi thụ lý và tiến hành các hoạt động tố tụng, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và Giấy triệu tập anh C đến Tòa án làm việc nhưng anh C không đến Tòa án để thể hiện nguyện vọng của mình.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Hoàng Thị S đã giao nộp những tài liệu, chứng cứ sau: CMND của chị S và anh C (bản sao); Sổ hộ khẩu của chị S và anh C (bản sao); Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); Giấy khai sinh của con chung (bản sao); Trích lục và đo chỉnh lý thửa đất bản đồ địa chính (bản chính); Đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 26/02/2021 của chị S (bản chính); Đơn xin vắng mặt của chị S (bản chính).

Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ sau: Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 23/02/2021 đối với chị Hoàng Thị S; Biên bản thể hiện nguyện vọng của con chung đối với cháu Áu Văn Kh; 03 Biên bản xác minh ngày 03/3/2021.

Các tài liệu, chứng cứ này Tòa án đã ra thông báo cho các bên đương sự biết đồng thời tiến hành mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và ra thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho những người vắng mặt theo đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Do nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt,

bị đơn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xét vợ chồng chị S và anh C đã xảy ra mâu thuẫn, không hòa giải đoàn tụ được. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị S, cho chị Hoàng Thị S được ly hôn với anh Áu A C.

+ Về con chung:

Đối với 02 cháu Áu Thị Kim A – sinh ngày: 23/9/2000 và Áu Thị Kim N – sinh ngày: 03/3/2002 đã thành niên và có khả năng lao động nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Đề nghị giao cháu Áu Văn Kh – sinh ngày: 01/6/2011 cho chị Hoàng Thị S trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời anh Áu A C không phải cấp dưỡng nuôi con do chị S không yêu cầu.

+ Về tài sản chung: Chị S không yêu cầu giải quyết. Hiện nay vắng mặt anh C nên chưa điều tra, làm rõ được, vì vậy đề nghị tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi phát sinh tranh chấp.

Đề nghị đình chỉ yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung của chị S do chị S tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện.

+ Về nợ chung: Chị S kê khai không có, không yêu cầu giải quyết. Hiện nay vắng mặt anh C nên chưa điều tra, làm rõ được, vì vậy đề nghị tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi phát sinh tranh chấp.

+ Về án phí: Đề nghị buộc chị Hoàng Thị S phải chịu 300.000đ án phí DSST về ly hôn. Trả lại cho chị Hoàng Thị S số tiền tạm ứng án phí về yêu cầu chia tài sản chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Hoàng Thị S khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết về việc nuôi dưỡng con chung đối với bị đơn anh Áu A C. Anh C đang cư trú tại huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

[1.2]. Chị Hoàng Thị S và anh Áu A C là các đương sự trong vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia phiên tòa nhưng chị S có đơn xin xét xử vắng mặt, anh C vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung: Chị S và anh C kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn ĐQ vào ngày 03/11/1999. Nay chị S yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh C thì căn cứ vào Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án áp dụng các Điều 8, 40, 44, 45 của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 để giải quyết.

[3]. Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị S và anh C tự nguyện sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn ĐQ vào ngày 03/11/1999. Như vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định tại Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986.

Quá trình chung sống vợ chồng anh chị sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Chị S trình bày chị yêu cầu ly hôn vì anh C ghen tuông vô cớ, không tin tưởng vợ, thường xuyên nhậu nhẹt, không chăm lo cho gia đình và thường xuyên đánh đập, chửi bới vợ con.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã nhiều lần tiến hành triệu tập anh C đến Tòa án để hòa giải nhưng anh C không đến để làm việc. Điều này thể hiện ý chí của anh C không muốn hàn gắn, đoàn tụ. Đồng thời qua xác minh tại địa phương thể hiện đời sống chung của vợ chồng anh chị không hạnh phúc và đã sống ly thân nhau (bút lục 29 – 31).

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã phát sinh kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy để chị S có điều kiện ổn định cuộc sống của mình nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị S là cho chị được ly hôn với anh C là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

[3.2]. Về con chung: Chị S và anh C có 03 con chung là:

- Áu Thị Kim A – sinh ngày: 23/9/2000.
- Áu Thị Kim N – sinh ngày: 03/3/2002.
- Áu Văn Kh – sinh ngày: 01/6/2011.

Hiện tại, cháu A và cháu N đã thành niên và có khả năng lao động nên chị S không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết vấn đề nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Chị S yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Kh. Xét thấy, bản thân chị S có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Hơn nữa, từ khi chị S và anh C sống ly thân đến nay, con chung sống cùng chị S. Bản thân cháu Kh có nguyện vọng sống cùng chị S. Vì vậy để tránh xáo trộn cuộc sống của con chung nên tiếp tục giao cháu Áu Văn Kh cho chị Hoàng Thị S trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời anh C không phải cấp dưỡng nuôi con do chị S không yêu cầu.

Khi nào có tranh chấp về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[3.3]. Về tài sản chung: Chị S không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Hiện nay vắng mặt anh C nên chưa điều tra, làm rõ được, vì vậy sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi phát sinh tranh chấp.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung là quyền sử dụng đất diện tích 249,2m^2 tại thửa 299B tờ bản đồ số 08 bản đồ địa chính thị trấn Định Quán và 01 căn nhà cấp 04 trên đất của chị Hoàng Thị S do chị S tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện.

[3.4]. Về nợ chung: Chị S kê khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Hiện nay vắng mặt anh C nên chưa điều tra, làm rõ được, vì vậy sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi phát sinh tranh chấp.

[4]. Về án phí:

Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì chị Hoàng Thị S phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí DSST về ly hôn.

Trả lại cho chị Hoàng Thị S số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) chị S đã nộp tạm ứng án phí về yêu cầu chia tài sản chung.

[5]. Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, do đó được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các Điều 8, 40, 44, 45 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986;
- Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị S.

Cho chị Hoàng Thị S được ly hôn anh Áu A C.

2. Về con chung: Chị S và anh C có 03 con chung là:

- Áu Thị Kim A – sinh ngày: 23/9/2000.
- Áu Thị Kim N – sinh ngày: 03/3/2002.
- Áu Văn Kh – sinh ngày: 01/6/2011.

Hiện tại, cháu Áu Thị Kim A và cháu Áu Thị Kim N đã thành niên và có khả năng lao động nên Tòa án không xem xét, giải quyết vấn đề nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Chị Hoàng Thị S trực tiếp nuôi dưỡng cháu Áu Văn Kh. Tạm thời anh Áu A C không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh C có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được gây trở ngại. Vì lợi ích của con chung các bên đương sự được quyền xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Khi nào có tranh chấp về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

3. Về tài sản chung: Tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi phát sinh tranh chấp.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung là quyền sử dụng đất diện tích 249,2m^2 tại thửa 299B tờ bản đồ số 08 bản đồ địa chính thị trấn Định Quán và 01 căn nhà cấp 04 trên đất của chị Hoàng Thị S do chị S tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện.

4. Về nợ chung: Tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi phát sinh tranh chấp.

5. Về án phí: Chị Hoàng Thị S phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí DSST về ly hôn. Số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị S đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0005647 ngày 13 tháng 01 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai chuyển thành án phí.

Trả lại cho chị Hoàng Thị S số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) chị S đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0005646 ngày 13 tháng 01 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

6. Quyền kháng cáo: Chị S và anh C có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Định Quán;
- Chi cục THADS huyện Định Quán;
- Ủy ban nhân dân thị trấn ĐQ: Để ghi vào sổ hộ tịch (Giấy CNKH số 85, cấp ngày 03/11/1999);
- Các đương sự;
- Lưu HS – LT.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Văn Lợi